

Số: **21** /2013/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày **10** tháng 10 năm 2013

## **THÔNG TƯ**

### **Quy định mức trần tiền ký quỹ và thị trường lao động mà Doanh nghiệp dịch vụ được thoả thuận ký quỹ với người lao động**

*Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Điều 23 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước;*

*Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về mức trần tiền ký quỹ và thị trường lao động mà Doanh nghiệp dịch vụ được thoả thuận ký quỹ với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về mức trần tiền ký quỹ và thị trường lao động mà doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài được thoả thuận ký quỹ với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp dịch vụ được cấp phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sau đây gọi chung là doanh nghiệp dịch vụ).

2. Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ký với doanh nghiệp dịch vụ (sau đây gọi chung là người lao động).

#### **Điều 3. Nguyên tắc thực hiện ký quỹ**

Người lao động và doanh nghiệp dịch vụ thoả thuận về việc ký quỹ theo ngành, nghề, nước tiếp nhận lao động với mức tiền ký quỹ không quá mức trần tiền ký quỹ được quy định tại Thông tư này.

#### **Điều 4. Mức trần tiền ký quỹ và thị trường lao động được thoả thuận ký quỹ**

1. Thị trường lao động mà doanh nghiệp dịch vụ được thoả thuận ký quỹ với người lao động và mức trần tiền ký quỹ của người lao động tại một số thị trường lao động theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp người lao động không ký quỹ hoặc không đủ tiền để ký quỹ, doanh nghiệp dịch vụ có thể thoả thuận với người lao động thực hiện bảo lãnh theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BLĐTBXH-BTP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tư pháp hướng

dẫn chi tiết một số vấn đề về nội dung Hợp đồng bảo lãnh và việc thanh lý Hợp đồng bảo lãnh cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

#### **Điều 5. Quản lý và sử dụng tiền ký quỹ**

Việc thực hiện, quản lý và sử dụng tiền ký quỹ của người lao động được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BLĐTBXH-NHNNVN ngày 04 tháng 9 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ của doanh nghiệp và tiền ký quỹ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

#### **Điều 6. Chế độ báo cáo**

Doanh nghiệp dịch vụ có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất (khi có yêu cầu) về tình hình thực hiện, quản lý và sử dụng tiền ký quỹ của người lao động gửi Cục Quản lý lao động ngoài nước theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này trước ngày 20 tháng 6 và 20 tháng 12 hàng năm.

#### **Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp**

Các thoả thuận giữa doanh nghiệp dịch vụ và người lao động về mức tiền ký quỹ tại các thị trường lao động thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện cho đến khi thời hạn thoả thuận ký quỹ đó hết hiệu lực.

#### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Các doanh nghiệp dịch vụ và người lao động có trách nhiệm thực hiện theo đúng các quy định tại Thông tư này.

2. Cục Quản lý lao động ngoài nước, Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan khác có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc thực hiện của các doanh nghiệp .

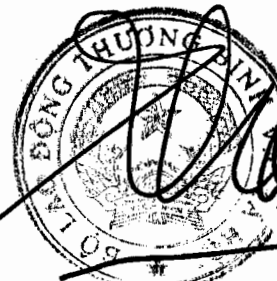
3. Thông tư này có hiệu lực, kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để kịp thời hướng dẫn, bổ sung./my

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các tổ chức chính trị- xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở LĐTBXH, các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ LĐTBXH;
- Các doanh nghiệp XKLD;
- Website Chính phủ và website Bộ LĐTBXH;
- Công báo (02);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Vụ Pháp chế, Cục QLĐNN (20b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thanh Hoà**

Phụ lục số 01:



**MỨC TRẦN TIỀN KÝ QUỸ DOANH NGHIỆP ĐƯỢC THỎA THUẬN  
KÝ QUỸ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG**

(Kèm theo Thông tư số 21 /2013/TT-LĐTBXH ngày 10 tháng 10 năm 2013 của  
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	THỊ TRƯỜNG	NGÀNH NGHỀ	MỨC TRẦN TIỀN KÝ QUỸ
1	ĐÀI LOAN	Công nhân nhà máy, xây dựng	1.000 USD
		GVGD, chăm sóc sức khỏe	800 USD
		Thuyền viên tàu cá xa bờ	900 USD
		Ngành nghề khác	1.000 USD
2	MALAYSIA	Mọi ngành nghề	300 USD
3	NHẬT BẢN	Thực tập sinh	3.000 USD
		Thuyền viên trên tàu cá xa bờ, gàn bờ và tàu vận tải	1.500 USD
4	HÀN QUỐC	Thuyền viên trên tàu cá (gần bờ)	3.000 USD
		Thuyền viên trên tàu cá xa bờ	1.500 USD
		Lao động thẻ vàng, visa E-7	3.000 USD
5	BRUNEI	Mọi ngành nghề	300 USD
6	VƯƠNG QUỐC THÁI LAN	Mọi ngành nghề	300 USD
7	CỘNG HOÀ DCND LÀO	Mọi ngành nghề	300 USD
8	MACAU	Mọi ngành nghề	500 USD
9	CỘNG HOÀ AN ĐỘ	Mọi ngành nghề	600 USD
10	MALDIVES	Mọi ngành nghề	600 USD
11	CÁC NƯỚC KHU VỰC TRUNG ĐÔNG (Ả RẬP XÊ ÚT, UAE, KUWAIT, BARHAIN, OMAN, JORDAN, CATA, IRAN, IRAQ, LIBAN, ISRAEL, PALESTINE, YEMEN)	Mọi ngành nghề	800 USD
12	CÁC NƯỚC CHÂU PHI	Mọi ngành nghề	1.000 USD
13	AUSTRALIA và NEWZEALAND	Mọi ngành nghề	2.000 USD
14	CỘNG HOÀ ITALIA	Mọi ngành nghề	2.000 USD
15	CỘNG HOÀ PHÂN LAN	Mọi ngành nghề	2.000 USD
16	VƯƠNG QUỐC THỤY ĐIỂN	Mọi ngành nghề	2.000 USD
17	VƯƠNG QUỐC ANH	Mọi ngành nghề	2.000 USD
18	LIÊN BANG ĐỨC	Mọi ngành nghề	2.000 USD
19	VƯƠNG QUỐC ĐAN MẠCH	Mọi ngành nghề	2.000 USD

TT	THỊ TRƯỜNG	NGÀNH NGHỀ	MỨC TRẢN TIỀN KÝ QUỸ
20	BỜ ĐÀO NHA	Mọi ngành nghề	2.000 USD
21	CỘNG HOÀ MALTA	Mọi ngành nghề	1.500 USD
22	CỘNG HOÀ CZECH	Mọi ngành nghề	1.500 USD
23	CỘNG HOÀ SLOVAKIA	Mọi ngành nghề	1.500 USD
24	CỘNG HOÀ BALAN	Mọi ngành nghề	1.500 USD
25	CỘNG HOÀ THỎ NHÍ KỲ	Mọi ngành nghề	1.000 USD
26	CỘNG HOÀ BUNGARIA	Mọi ngành nghề	1.000 USD
27	CỘNG HOÀ RUMALIA	Mọi ngành nghề	1.000 USD
28	CỘNG HOÀ UKRAINA	Mọi ngành nghề	1.000 USD
29	CỘNG HOÀ LATVIA	Mọi ngành nghề	1.000 USD
30	CỘNG HOÀ SÍP và CH BẮC THỎ SÍP	Mọi ngành nghề	1.000 USD
31	LIÊN BANG NGA	Mọi ngành nghề	1.000 USD
32	BELARUSIA	Mọi ngành nghề	1.000 USD
33	CÁC NƯỚC CHÂU MỸ	Mọi ngành nghề	2.000 USD
34	CÁC NƯỚC KHÁC	Mọi ngành nghề	Tương đương giá trị 01 (một) lượt vé máy bay từ nơi làm việc về Việt Nam

**Phụ lục số 02**

Ban hành kèm theo Thông tư số ...../2013/TT-BLĐTBXH ngày ..... tháng ..... năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Tên doanh nghiệp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Người liên hệ:

Số fax:

**BÁO CÁO**

Tình hình thực hiện, quản lý và sử dụng tiền ký quỹ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài  
 Từ ngày 20 tháng ..... năm ..... đến ngày 20 tháng ... năm ...

Kính gửi: Cục Quản lý lao động ngoài nước

TT	Thị trường lao động	Số lao động ký quỹ	Số tiền ký quỹ trong kỳ	Quản lý và sử dụng tiền ký quỹ				Ghi chú
				Tên Ngân hàng ký quỹ	Số tài khoản ký quỹ	Số tiền ký quỹ đầu kỳ đang quản lý	Số tiền ký quỹ đã hoàn trả trong kỳ	
1	Đài Loan			.....	.....	.....	.....	
2	Nhật Bản							
3	Hàn Quốc							
4	.....							
5	.....							
6	.....							
<b>Cộng</b>		.....				.....	.....	

Người lập biểu  
 (Ghi rõ họ tên)

..... Ngày ..... tháng ..... năm .....  
**TỔNG GIÁM ĐỐC HOẶC GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP**  
 (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)